

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2019/DS-ST**

Ngày: 13-11-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X V, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong các đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 10/4/2015 âl, bà Lê Thị Ph làm chủ hụi có mở 01 dây hụi loại 500.000 đồng, gồm có 33 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 của tháng, bà tham gia 04 phần góp hụi, bà đã lĩnh 01 phần còn 03 phần hụi sống, bà

góp được 30 lần, đến ngày 10/8/2016 bà Ph tuyên bố bế hội, khi hội còn sống kêu từ 110.000 đồng đến 130.000 đồng mỗi lần mở hội, bà góp bình quân 01 lần mở hội tiền vốn là 380.000 đồng x 11.400.000 đồng /phần x 03 phần là 34.200.000 đồng, nếu như bà được lĩnh 03 phần với số tiền là 45.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng ra mỗi phần 250.000 đồng x 03 phần 750.000 đồng, bà Lê Thị Ph phải giao tiền hội cho bà được lĩnh là 45.750.000 đồng.

Từ ngày 10/8/2016 đến nay bà Lê Thị Ph có trả cho bà được 13.500.000 đồng, còn nợ lại bà 31.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thị Ph trả cho bà số tiền hội được lĩnh 31.500.000 đồng, trả đủ 01 lần, trong thời hạn 01 tháng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Việc bà tham gia góp hội với bà Ph, sau khi bà Ph tuyên bố bế hội thì bà và bà Ph có đối chiếu nợ tiền hội với nhau, khi đó bà Ph còn nợ bà là 31.500.000 đồng, chưa có trừ tiền hoa hồng (tiền cò), nhưng không có làm văn bản gì hết. Khi đó bà Ph có nói trừ qua tiền mà bà S (vợ của ông X) còn nợ bà Ph thì bà không đồng ý. Đồng thời, bà và bà S chưa gặp nhau thỏa thuận với nhau gì hết. Bà biết bà S (vợ của ông X) trước đây cư trú tại ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang, nhưng bà S (vợ của ông X) đã bỏ địa phương đi từ đầu năm 2018 đến nay, hiện nay bà không biết bà S (vợ của ông X) cư trú ở đâu.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/8/2019, bị đơn bà Lê Thị Ph trình bày như sau:*

Bà xác định, bà Nguyễn Thị Kim T có tham gia góp hội do bà làm chủ, sau đó bà T cho bà Trần Thị S, địa chỉ: ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang hót hội với số tiền khoảng 11.000.000 đồng, bà tuyên bố úp hội nhưng không có làm biên nhận, vì bà nghĩ là chị em thân thiết với nhau. Bà xác định hiện nay bà không có nợ tiền hội của bà T như bà T trình bày mà bà chỉ nợ bà T tiền hội trước đó 1.500.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 24/9/2019, bà Nguyễn Thị H 1 trình bày như sau:*

Bà và bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lê Thị Ph không có mối quan hệ gì cả, chỉ là chị em ở cùng ấp, cùng xóm với nhau. Vào năm 2015, bà có chơi hội chung với bà Nguyễn Thị Kim T, loại hội 500.000 đồng, gồm có 33 người chơi do bà Lê Thị Ph làm chủ. Sự việc tranh chấp tiền hội giữa bà Ph và bà T là do bà Ph tuyên bố bế hội thì bà Ph nợ bà T 03 phần hội sống tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà Ph có trả cho bà T được một phần nhưng cụ thể số tiền bao nhiêu thì bà không rõ, bà chỉ nghe nói hiện nay bà Ph còn nợ bà T số tiền hơn 30 triệu

đồng. Đồng thời bà Ph có bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho người khác trả nợ cho bà T nhưng bà T không đồng ý.

** Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 24/9/2019, chị Nguyễn Thị H 2 trình bày như sau:*

Chị và bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lê Thị Ph không có bà con hay thân thiết gì, chỉ là ở xóm với nhau. Vào ngày 10 tháng 4 năm 2015 âm lịch, chị có tham gia chơi hội chung với bà T, gồm có 33 người chơi, loại hội 500.000 đồng, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 của tháng do bà Lê Thị Ph làm chủ. Sự việc tranh chấp tiền hội giữa bà Ph và bà T là do bà Ph tuyên bố bế hội, bà Ph còn nợ bà T 03 phần hội sống, mỗi chân hội là 15.000.000 đồng, tổng số tiền bà Ph nợ bà T là 45.000.000 đồng, bà Ph có trả cho bà T không thì chị không biết. Đồng thời bà Ph có bàn giao nghĩa vụ trả nợ với ai nữa không thì chị không biết.

** Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 21/10/2019, anh Thái Công B trình bày như sau:*

Anh và bà Nguyễn Thị Kim T, bà Lê Thị Ph không có mối quan hệ gì, chỉ là chị em ở xóm, láng giềng với nhau. Vào năm 2015 âm lịch, anh có tham gia chơi hội chung với bà T do bà Lê Thị Ph làm chủ, gồm có 33 phần, mỗi phần 500.000 đồng. Việc bà T với bà Ph tranh chấp tiền hội với nhau sau khi bà Ph tuyên bố bế hội, bà Ph còn nợ bà T khoảng 45.000.000 đồng, nhưng bà Ph cũng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T khoảng 13.500.000 đồng thì bà Ph còn nợ lại bà T 31.500.000 đồng, từ đó đến nay bà Ph có trả nợ cho bà T nữa không thì anh không rõ. Ngoài ra, bà Ph và bà T có bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho ai nữa không thì anh không biết.

** Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2019: Biết được bà Trần Thị S không còn sinh sống tại địa phương ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.*

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Kim T, danh sách tham gia góp hội ngày 10/4/2015, 02 đơn yêu cầu các ngày 07/3/2019 và ngày 12/3/2019, biên bản hòa giải ngày 12/3/2019, đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 12/3/2019, 02 biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị H ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, biên bản lấy lời khai của người làm chứng anh Thái Công B ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.*

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T xác định, bà Lê Thị Ph còn nợ bà số tiền hui là 31.500.000 đồng, bà đồng ý trừ lại số tiền hoa hồng 03 phần hui là 750.000 đồng và gần đây bà Ph có trả bà 1.500.000 đồng, bà Ph còn nợ bà số tiền hui 29.250.000 đồng. Bà yêu cầu bà Ph trả cho bà số tiền hui còn nợ là 29.250.000 đồng, trả đủ 01 lần, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác. Bà Ph có nói trừ qua tiền mà bà S (vợ của ông X) còn nợ bà Ph thì bà không đồng ý. Đồng thời, bà và bà Ph, bà S chưa gặp nhau thỏa thuận với nhau gì hết. Bà S (vợ của ông X) trước đây cư trú tại ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang, nhưng đã bỏ địa phương đi từ đầu năm 2018 đến nay, hiện nay bà S (vợ của ông X) cư trú ở đâu bà không biết.

Bị đơn bà Lê Thị Ph xác định, bà T có tham gia góp hui do bà làm chủ, bà T tham gia góp 04 phần hui, sau đó lĩnh 01 phần, còn 03 phần hui sống, sau khi bà tuyên bố bẻ hui bà có trả cho bà T nhiều lần với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại bà đã trừ cần qua cho bà S, địa chỉ: ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang trả cho bà T, nay bà không còn nợ tiền hui bà T. Việc thỏa thuận trả nợ nói trên là khi gặp bà S bà nói với bà S và khi bà gặp bà T bà nói với bà T, giữa bà và bà T, bà S chưa gặp nhau cùng thỏa thuận, không có làm văn bản giấy tờ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử là 06 tháng 25 ngày là quá thời hạn chuẩn bị xét xử 25 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm để đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà T đòi bà Ph trả tiền hui còn nợ là 31.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà T xác định gần đây bà Ph có trả cho bà 1.500.000 đồng và bà trừ tiền hoa hồng cho bà Ph 750.000 đồng. Bà

Xét lời khai của bà Ph cho rằng, trong quá trình tham gia góp bà T cho bà Trần Thị S, địa chỉ: ấp Đ G, xã N A, huyện A B, tỉnh Kiên Giang lĩnh (hốt) hụi

với số tiền khoảng 11.000.000 đồng, bà tuyên bố úp hụi thì bà còn nợ bà T tiền hụi 15.000.000 đồng, bà đã trả cho bà T nhiều lần với số tiền 13.5000.000 đồng, sau đó bà không có tiền trả bà hện đến khi thu hoạch tôm bà sẽ trả thì bà T không đồng ý bà và bà T cự cãi với nhau và bà T yêu cầu chính quyền ấp Đ G giải quyết, sau đó bà trả cho bà T số tiền 1.500.000 đồng là đủ, nay bà không còn nợ tiền hụi bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời trình bày của đương sự, lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị H 1, bà Nguyễn Thị H 2, anh Thái Công B cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, xác định được vào ngày 10/4/2015 âl, bà Ph làm chủ hụi có mở 01 dây hụi loại 500.000 đồng, gồm có 33 phần, bà T tham gia góp 04 phần, đến ngày 10/8/2016 âl bà Ph tuyên bố (úp) bể hụi thì bà T còn 03 phần hụi sống, góp được 30 lần với số tiền được lĩnh là 45.000.000 đồng, sau khi bể hụi bà Ph có trả cho bà T nhiều lần với số tiền 15.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T đồng ý trừ lại tiền hoa hồng 03 phần hụi sống là 750.000 đồng thì bà Ph còn nợ lại bà T số tiền hụi là 29.250.000 đồng. Nay bà Ph cho rằng giữa bà Ph và bà T, bà S đã chuyển giao nghĩa vụ cho bà S trả số tiền hụi còn nợ nói trên cho bà T, nhưng bà T không thừa nhận, bà Ph không có văn bản, tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là có chuyển giao nghĩa vụ cho bà S trả nợ cho bà T số tiền hụi nói trên theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, tại phiên tòa bà Ph và bà T đều xác định là bà Ph, bà T và bà S từ trước đến nay chưa gặp nhau thỏa thuận để chuyển giao nghĩa vụ bà S trả nợ cho bà T số tiền nói trên mà bà Ph chỉ gặp bà S nói bà S phải trả nợ cho bà T và gặp bà T nói là bà S trả nợ cho bà T số tiền hụi nói trên là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của bà T, buộc bà Ph trả cho bà T số tiền hụi là 29.250.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biên, phường.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 370 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Thị Ph trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền hui còn nợ là 29.250.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.462.500 đồng (29.250.000 đồng x 5%).

Bà Nguyễn Thị Kim T không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 787.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001663 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/11/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo